

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**  
Số: *15* /2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Tiền Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định các ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định các ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi là cấp xã*) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với công chức cấp xã, gồm có 07 chức danh:

1. Trưởng Công an;
2. Chỉ huy trưởng Quân sự;
3. Văn phòng - thống kê;
4. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);
5. Tài chính - kế toán;
6. Tư pháp - hộ tịch;
7. Văn hoá - xã hội.

### **Điều 3. Nguyên tắc xác định các ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã**

1. Căn cứ chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ của chức danh công chức, các lĩnh vực, vị trí việc làm công chức phụ trách và tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh, ngạch công chức cấp xã.

2. Căn cứ chuyên ngành đào tạo ghi trên bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên hoặc xem xét các môn học trong chương trình đào tạo có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của chức danh công chức được thể hiện trong Bảng kết quả các môn học của các trường đào tạo kèm theo bằng tốt nghiệp, để xác định ngành đào tạo phù hợp các chức danh công chức cấp xã.

#### **Điều 4. Phương pháp xác định các ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã**

1. Các thí sinh đăng ký tuyển dụng công chức cấp xã phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo phù hợp chức danh, lĩnh vực đảm nhiệm mà thí sinh đăng ký thi tuyển vào Ủy ban nhân dân cấp xã có nhu cầu tuyển dụng công chức. Trường hợp khi tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức cấp xã phát sinh đối tượng có bằng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo không có trong quy định tại Điều 5 của Quyết định này, giao Sở Nội vụ xem xét chương trình đào tạo, nếu có các môn học liên quan để công chức có thể sử dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chức danh công chức thì được xác định là ngành đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp chức danh công chức cấp xã.

2. Các cơ quan không được yêu cầu các thí sinh trúng tuyển công chức bổ sung các văn bằng hoặc chứng chỉ mà pháp luật chưa có quy định.

#### **Điều 5. Các ngành đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã**

Các ngành đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã, như sau:

1. Chức danh Trưởng Công an xã: Cảnh sát, nghiệp vụ công an nhân dân, quản lý nhà nước về an ninh, các ngành công an do các trường, học viện thuộc công an nhân dân đào tạo; các ngành luật.

2. Chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự: Quân sự cơ sở, các ngành quân sự do các trường, học viện thuộc Quân đội nhân dân đào tạo.

3. Chức danh công chức Văn phòng - Thống kê:

a) Lĩnh vực hành chính văn phòng: Hành chính công, Chính sách công, Quản lý công; Lưu trữ - Quản trị văn phòng; Tổ chức, Quản trị nhân lực; Các ngành Luật; Văn thư - Lưu trữ, Lưu trữ học, Thông tin thư viện; Quản lý nhà nước; Quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo.

b) Lĩnh vực thống kê: Thống kê; Kinh tế (kinh tế - kế hoạch, kinh tế nông nghiệp, kinh tế đầu tư); Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính - ngân hàng; Hệ thống thông tin quản lý.

4. Chức danh công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã):

a) Chức danh công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường: Quản lý đất đai, Khoa học đất; Xây dựng, Kiến trúc và Quy hoạch, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng; Kỹ thuật hạ

tầng đô thị, Quản lý đô thị, Kỹ thuật đô thị, Kỹ thuật công trình giao thông, Quản lý công trình giao thông, cầu đường; Trắc địa bản đồ, địa chất công trình; Quản lý chất lượng lương thực, thực phẩm; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học, Môi trường, Quản lý môi trường, Kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường; Các ngành địa chính, xây dựng, đô thị, môi trường.

b) Chức danh công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường: Quản lý đất đai, Khoa học đất; Xây dựng, Kiến trúc và Quy hoạch, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật công trình giao thông, Quản lý công trình giao thông, cầu đường; Trắc địa bản đồ, địa chất công trình; Quản lý chất lượng lương thực, thực phẩm; Công nghệ thực phẩm; Thủy sản; Công nghệ sinh học, Môi trường, Quản lý môi trường, Kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường; Các ngành địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường.

5. Chức danh công chức Tài chính - Kế toán: Tài chính - kế toán, Kế toán - kiểm toán, Kế toán; Tài chính - ngân hàng, Tài chính nhà nước; Các ngành tài chính, kế toán.

6. Chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch: Các ngành Luật.

7. Chức danh công chức Văn hóa - Xã hội:

a) Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch: Quản lý văn hóa, Thông tin tuyên truyền, Văn hóa, Thông tin học, Báo chí - Tuyên truyền, Quản lý văn hóa - tư tưởng, Phát thanh; Các ngành Luật; Hành chính công, Chính sách công, Quản lý công; Quản lý nhà nước; Tuyên giáo, Lịch sử, Việt Nam học, Ngữ văn; Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý xã hội; Quản lý nghệ thuật; Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch và Thương mại du lịch; Các ngành Thể dục, thể thao; Điện tử - viễn thông và các ngành công nghệ thông tin.

b) Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội: Các ngành Luật; Hành chính công, Chính sách công, Quản lý công; Quản lý nhà nước; quản trị nhân lực; Tuyên giáo, Lịch sử, Việt Nam học, Nhân học, Ngữ văn; Các ngành Lao động - xã hội, Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý xã hội, Kinh tế lao động, Lao động - tiền lương.

## **Điều 6. Đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sắp xếp tổ chức và cử công chức cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định.

2. Việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng các bộ, công chức, viên chức và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 9 năm 2018.

2. Các công chức cấp xã đã được tuyển dụng, bố trí, sử dụng trước khi Quyết định này có hiệu lực thì không bắt buộc phải áp dụng quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, có phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

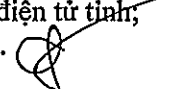
4. Trường hợp các chức danh công chức cấp xã được pháp luật quy định các ngành đào tạo phù hợp thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - Bộ Nội vụ;
  - Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
  - TT. TU, TT. HỒND tỉnh;
  - UBMTTQVN tỉnh;
  - BTC TU,
  - CT, các PCT.UBND tỉnh;
  - Công báo tỉnh;
  - Công thông tin điện tử tỉnh;
  - Lưu: VT,NC(S).
- 2.0 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** *N*  
**CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Hương*